

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi 809

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

A. Trà Vinh. B. Bến Tre. C. Tiền Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Cả. B. Sông Mã. C. Sông Ba. D. Sông Thu Bồn.

Câu 43. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?

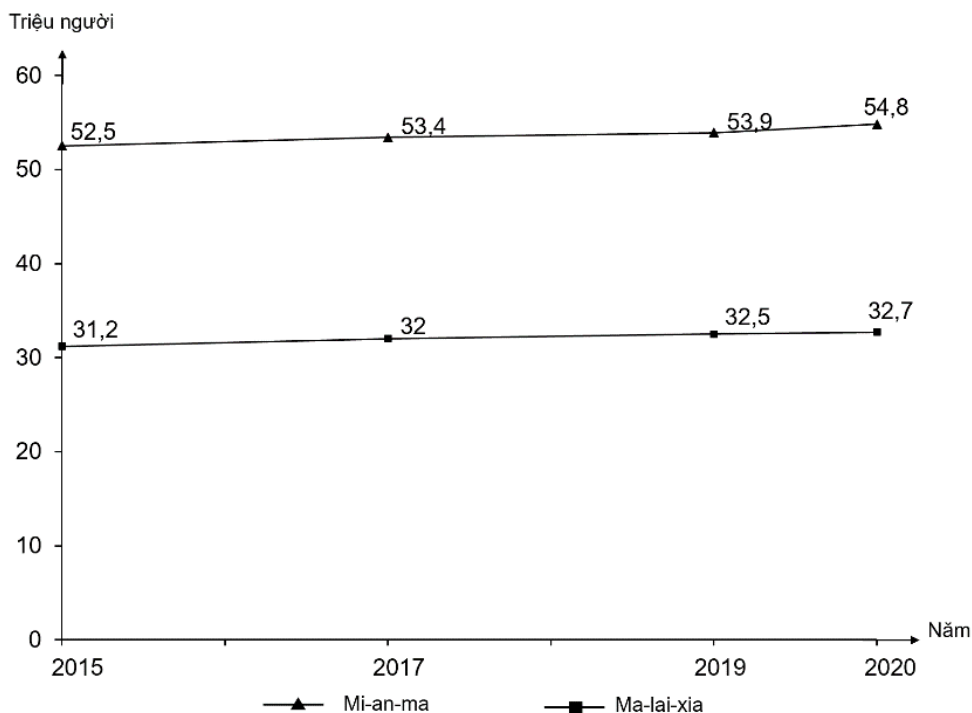
A. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. B. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.
C. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan. D. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?

A. Đà Lạt. B. An Khê. C. Buôn Mê Thuột D. Pleiku.

Câu 45. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

A. Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng. B. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ.
C. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng. D. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Điện Biên Phủ. B. Hà Nội. C. Đồng Hới. D. Lạng Sơn.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Bắc Ninh. B. Hải Dương. C. Hưng Yên. D. Hà Nội.

Câu 48. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. luyện kim. B. đóng tàu. C. khai khoáng. D. điện lực.

Câu 49. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là

- A. Nha Trang. B. Cam Ranh. C. Mũi Né. D. Vũng Tàu.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Lào Cai. B. Bắc Cạn. C. Hà Giang. D. Quảng Ninh.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Bắc Ninh. B. Hải Phòng. C. Phúc Yên. D. Cẩm Phả.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

- A. Di Linh. B. Lâm Viên. C. Mơ Nông. D. Kon Tum.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Nghệ An. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.

Câu 54. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

- A. bão biển. B. lũ quét. C. ngập lụt. D. hạn hán.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

- A. Phả Lại. B. Uông Bí. C. Ninh Bình. D. Na Dương.

Câu 56. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

- A. công nghiệp tiêu dùng. B. công nghiệp chế biến.
C. công nghiệp khai thác. D. công nghiệp trọng điểm.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?

- A. 5. B. 4B. C. 6. D. 3.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Mía, ngô. B. Thuốc lá, ngô. C. Lạc, đậu tương. D. Lạc, mía.

Câu 59. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. xây công trình đê biển. B. chống ô nhiễm đất mặn.
C. nuôi dưỡng rừng ngập mặn. D. mở rộng vườn quốc gia.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

- A. Nghệ An. B. Quảng Nam. C. Đắk Lắk. D. Gia Lai.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Kiên Giang. B. Sóc Trăng. C. Tiền Giang. D. Cần Thơ.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Vườn quốc gia. B. Hang động. C. Thắng cảnh. D. Du lịch biển.

Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất. B. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.
C. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển. D. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế.

Câu 64. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. cấm khai thác thủy sản ven bờ.
- B. chưa gắn với bảo vệ môi trường.
- C. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
- D. khuyến khích đánh bắt xa bờ.

Câu 65. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.
- B. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
- C. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.
- D. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.

Câu 66. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. sông ngòi dày đặc.
- B. tổng bức xạ lớn.
- C. khoáng sản phong phú.
- D. khí hậu đa dạng.

Câu 67. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
- B. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
- C. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

Câu 68. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.
- B. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
- C. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
- D. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.

Câu 69. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng phổ biến công nghệ gen.
- B. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.
- C. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
- D. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.

Câu 70. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
- B. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
- C. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.
- D. tăng về số lượng và quy mô đô thị.

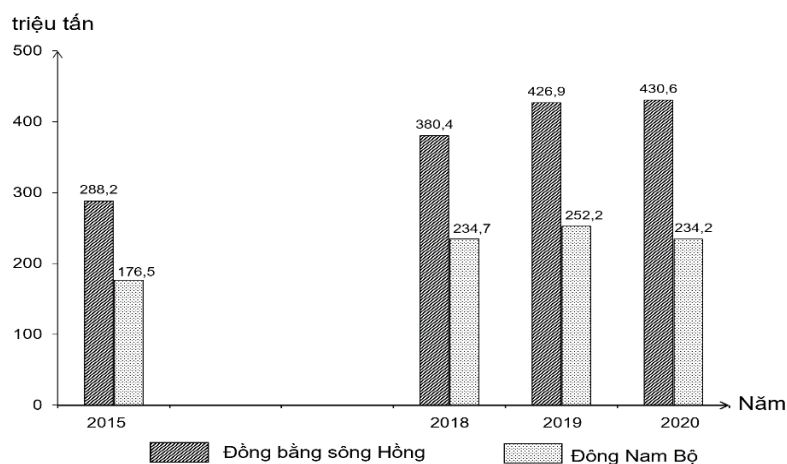
Câu 71. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
- B. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.
- C. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
- D. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 72. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
- B. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
- C. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
- D. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.

Câu 73. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.
- B. Quy mô khối lượng.
- C. Cơ cấu khối lượng.
- D. Tốc độ tăng khối lượng.

- Câu 74.** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là
- A. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
 - B. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.
 - C. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lý lao động, tăng giá trị nông sản.
 - D. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.

Câu 75. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Cột.

Câu 76. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
- B. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
- C. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
- D. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.

Câu 77. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
- B. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- D. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.

Câu 78. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
- B. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
- C. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

Câu 79. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
- B. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
- C. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
- D. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

Câu 80. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.
- B. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
- C. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
- D. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm